

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /SNN-QLXDCT

Tuyên Quang, ngày 02 tháng 01 năm 2018

V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế
- kỹ thuật công trình: Sửa chữa, nâng cấp công
trình thủy lợi Nà Khoa, xã Nhân Lý, huyện
Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh
Tuyên Quang.

Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Tờ trình số 716/TTr-BQL ngày
25/12/2017 về thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Sửa chữa,
nâng cấp công trình thủy lợi Nà Khoa, xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên
Quang (có hồ sơ gửi kèm);

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính Phủ: Số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015
về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 59/2015/NĐ-
CP ngày 18/6/2015 về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số
42/2017/NĐ-CP ngày 5/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số
59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015
về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 06/10/2017 của UBND tỉnh
Tuyên Quang về việc phê duyệt phân bổ và giao dự toán kinh phí thực hiện khắc
phục thiệt hại do bão số 2, số 4 và mưa lũ, lũ quét, sạt lở đất từ giữa tháng 6 năm
2017 đến đầu tháng 8 năm 2017.

Căn cứ Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình sửa chữa,
nâng cấp công trình thủy lợi Nà Khoa, xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa, tỉnh
Tuyên Quang;

*Sau khi xem xét, Sở Nông nghiệp và PTNT thông báo kết quả thẩm định
Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế và dự toán xây dựng công trình như sau:*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH:

1. Tên công trình: Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Nà Khoa, xã Nhân
Lý, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

2. Loại, cấp công trình: Công trình thủy lợi, cấp IV.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT Tuyên Quang.

4. Địa điểm xây dựng: Xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

5. Kế hoạch vốn được giao: 1.100.000.000 đồng.

6. Diện tích sử dụng đất: Công trình cơ bản xây dựng trong phạm vi mặt bằng công trình cũ, Chủ đầu tư phối hợp với chính quyền địa phương vận động nhân dân tự tổ chức giải phóng mặt bằng xây dựng công trình.

7. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Trung ương bổ sung có mục tiêu, được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 1141/QĐ-UBND ngày 06/10/2017.

8. Nhà thầu tư vấn khảo sát lập hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế và dự toán xây dựng công trình: Công ty TNHH tư vấn xây dựng Thành Mỹ.

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định:

1.1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định số 180/QĐ-DANN ngày 24/11/2017 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Nà Khoa, xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 191/QĐ-DANN ngày 29/11/2017 và Quyết định số 217/QĐ-DANN ngày 08/12/2017 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Nà Khoa, xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 222/QĐ-DANN ngày 11/12/2017 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng công trình: Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Nà Khoa, xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;

- Hợp đồng số 113/2017/HĐ-TV ngày 08/12/2017;

- Biên bản nghiệm thu khảo sát ngày 19/12/2017;

1.2. Tài liệu khảo sát, thiết kế xây dựng và dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng gồm: Báo cáo, nhật ký và bản vẽ khảo sát địa hình, địa chất.

- Hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật gồm: Thuyết minh, bản vẽ và dự toán.

1.3 Hồ sơ năng lực của nhà thầu:

- Báo cáo tổng hợp thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình.

2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04-01:2010/BNNPTNT về thành phần, nội dung lập báo cáo đầu tư, Dự án đầu tư và Báo cáo kinh tế kỹ thuật các dự án thủy lợi.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04-05:2012/BNNPTNT Công trình thủy lợi - các quy định chủ yếu về thiết kế.

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8477: 2010 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa chất trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8478: 2010 Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình trong các giai đoạn lập dự án và thiết kế.

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4118: 2012 Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới - Yêu cầu thiết kế.

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9147:2012 Công trình thủy lợi - Quy trình tính toán thủy lực đập tràn.

- Các tài liệu, tiêu chuẩn hiện hành khác do Nhà nước ban hành.

3. Mục tiêu đầu tư, quy mô: Sửa chữa, nâng cấp đập, kiên cố kênh đất và các đoạn kênh bị hư hỏng; đảm bảo cung cấp nước tưới cho 13,2 ha ruộng hai vụ lúa.

4. Giải pháp thiết kế:

a) *Đập đầu mối*: Xây dựng mới đập tràn thực dụng mặt cắt hình thang, kết cấu bằng đá xây vữa xi măng M75, bọc BTCT M200, dày 20cm; tiêu năng bằng phương pháp đào bể, kết cấu bằng BTCT M200. Xây dựng mới tường cánh thượng lưu, tường cánh hạ lưu, tường bể tiêu năng kết cấu bằng bê tông M200. Các thông số kỹ thuật chính công trình như sau:

- | | |
|-------------------------------|-------------------------|
| - Cao trình đỉnh đập: | $\nabla = 50,3\text{m}$ |
| - Chiều dài đỉnh đập: | $L = 5,0\text{m}$ |
| - Chiều rộng đỉnh đập: | $\delta = 1,0\text{m}$ |
| - Cao trình sân tiêu năng: | $\nabla = 47,8\text{m}$ |
| - Cao trình ngưỡng tiêu năng: | $\nabla = 48,3\text{m}$ |
| - Chiều sâu bể tiêu năng: | $d = 0,5\text{m}$ |
| - Chiều dài bể tiêu năng: | $L = 5,0\text{ m}$ |

b) *Cống lấy nước*: Công lấy nước đặt bên vai trái tường cánh thượng lưu đập, kết cấu bằng bê tông M200, tấm nắp bê tông cốt thép M200, mặt cắt ngang (bxh)=(40x40)cm. Cao trình đáy cống cửa vào: 50,00m.

c) *Tuyến kênh tưới*: Kiên cố tuyến kênh tưới với tổng chiều dài L=869,0m, cụ thể như sau:

TT	Tên đoạn	Chiều dài (m)	Hiện trạng	Giải pháp thiết kế	BxH (cm)
1	Kênh chính K	300,0			
	Từ K0 ÷ K13	258,0	Kênh bê tông xuống cấp	Phá dỡ kênh cũ, xây kênh mới bằng BT M200	30x30
	Từ K13 ÷ K15	42,0	Kênh đất	Kênh mới bằng BT M200	30x30
2	Cống trên kênh	39,0			
	Từ O4 ÷ O11	39,0	Chưa có kênh	Cống hộp kết cấu bằng BT và BTCT M200	40x40
3	Kênh N	197,0			
	Từ N0 ÷ N8	197,0	Kênh đất	Kênh mới bằng BT M200	30x30
2	Kênh M	333,0			
	Từ M0 ÷ M12	232,0	Kênh đất	Kênh mới bằng BT M200	30x30
	Từ M12 ÷ M13	3,5	Cống cũ	Giữ nguyên	
	Từ M13 ÷ M20	97,5	Kênh đất	Kênh mới bằng BT M200	30x30
	Cộng	869,0			

(Chi tiết xem hồ sơ thiết kế kèm theo)

5. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng trình thẩm định:

5.1. Khối lượng theo hồ sơ thiết kế do đơn vị tư vấn thiết kế lập, tính trong dự toán phù hợp với khối lượng trong bản vẽ thiết kế thi công.

5.2. Đơn giá:

- Đơn giá công bố kèm theo Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 21/1/2014 của UBND tỉnh Tuyên Quang.

- Định mức dự toán xây dựng công trình công bố kèm theo văn bản số 1176/BXD-VP ngày 16/8/2007 của Bộ Xây dựng; số 588/QĐ-BXD ngày 29/5/2014 của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 05/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Hướng dẫn số 189/SXD-KT&VLXD ngày 22/3/2017 Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Thông tư số 06/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Công bố giá vật liệu xây dựng số 1732/CBLS/XD-TC ngày 20/12/2017 của liên Sở Xây dựng – Tài chính về công bố giá một số loại vật liệu xây dựng và thiết bị tháng 10 năm 2017 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

- Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/2/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng; Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

- Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước.

- Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT, THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự phù hợp với quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Phù hợp.

2. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế; lập dự toán xây dựng: Theo báo cáo đánh giá của Chủ đầu tư tại Báo cáo số 715/BC-DANN ngày 25/12/2017 và văn bản số 1031/SXD-HĐXD ngày 08/12/2016 của Sở Xây dựng thì nhà thầu đủ điều kiện năng lực lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật.

3. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình: Giải pháp thiết kế công trình phù hợp nhu cầu sử dụng và hiện trạng công trình.

4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình: Vật liệu xây dựng đối với công trình là phổ biến trước khi đưa vào thi công xây dựng cần kiểm tra, thí nghiệm theo các quy định hiện hành của nhà nước.

5. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận: Giải pháp thiết kế đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đúng công năng sử dụng, đáp ứng nhiệm vụ công trình.

6. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có): Công trình không áp dụng dây truyền, công nghệ mới.

7. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Công trình xây dựng không dùng vật liệu nổ nên đề nghị Chủ đầu tư trong quá trình triển khai thi công yêu cầu nhà thầu thực hiện đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế: Đề nghị Chủ đầu tư yêu cầu đơn vị tư vấn rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện bản vẽ thiết kế, thuyết minh thiết kế theo hồ sơ thiết kế đã thẩm định và bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành của nhà nước;

9. Nội dung khác:

Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, chính xác của các tài liệu khảo sát địa hình và địa chất phục vụ cho công tác thiết kế. Trong quá trình triển khai thi công xây dựng phải căn cứ vào tình hình thực tế tại công trình (*cự ly vận chuyển nguyên vật liệu, cự li vận chuyển bộ, khối lượng đào, đắp, khối lượng bê tông, đá xây...*) để kiểm tra, nghiệm thu, thanh toán khối lượng hoàn thành theo đúng quy định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN

1. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế: Khối lượng các hạng mục công trình tính trong dự toán cơ bản phù hợp với khối lượng chủ yếu trong hồ sơ thiết kế.

2. Tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình: Các định mức, đơn giá, các khoản mục chi phí được áp dụng, vận dụng hợp lý.

3. Giá trị dự toán xây dựng được tổng hợp như bảng sau:

Nội dung	Dự toán trình thẩm định	Kết quả thẩm định dự toán	Đơn vị tính
Chi phí xây dựng:	881.505.000	893.080.000	đồng
Chi phí quản lý dự án:	27.714.000	28.721.000	đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	130.415.000	127.089.000	đồng
Chi phí khác:	51.467.000	47.573.000	đồng
Chi phí dự phòng:	8.000.000	3.537.000	đồng
Tổng	1.099.101.000	1.100.000.000	đồng

(Có biểu chi tiết kèm theo)

*** Nguyên nhân tăng giảm:** Một số đơn giá, khối lượng, chi phí chủ đầu tư trình thẩm định chưa phù hợp với giải pháp thiết kế, biện pháp tổ chức thi công và chế độ chính sách hiện hành.

V. KẾT LUẬN:

Hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế và dự toán đầu tư xây dựng công trình: Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Nà Khoa, xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang đủ điều kiện để trình phê duyệt.

Sở Nông nghiệp và PTNT trân trọng thông báo./.

Nơi nhận: 

- Như trên (1 cửa); 7 bản
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLXDCT, HS (Liên).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Công Hàm

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG TRÌNH

SỬA CHỮA, NÂNG CẤP CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NÀ KHOA XÃ NHÂN LÝ, HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

Đơn vị tính : đồng

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Định mức	Chi phí trước thuế	Thuế giá trị gia tăng	Chi phí sau thuế
1	Chi phí xây dựng	Gepxd		811.890.862	81.189.086	893.080.000
1.1	<i>Chi phí xây dựng công trình chính, phụ trợ tạm phục vụ thi công</i>	<i>Gxd</i>		811.890.862	81.189.086	893.080.000
	ĐẬP ĐẦU MỐI	Gxd.1		428.654.014	42.865.401	471.519.000
	KÊNH + CÔNG TRÌNH TRÊN KÊNH	Gxd.2		383.236.848	38.323.685	421.561.000
2	Chi phí quản lý dự án	Gqlda	3,108 %	26.109.682	2.610.968	28.721.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	Gtv		115.535.236	11.553.524	127.089.000
3.1	<i>Chi phí khảo sát</i>			43.372.727	4.337.273	47.710.000
3.2	<i>Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật</i>		6,2 %	50.337.233	5.033.723	55.371.000
3.3	<i>Chi phí giám sát thi công xây dựng</i>		2,598 %	21.825.275	2.182.527	24.008.000
4	Chi phí khác	Gk		43.917.776	3.655.248	47.573.000
4.1	<i>Chi phí hạng mục chung</i>			28.189.000	2.819.000	31.008.000
4.2	<i>Phí thẩm định thiết kế (Thông tư 210/2016/TT-BTC)</i>		0,121 %	982.388		982.000
4.3	<i>Phí thẩm định dự toán (Thông tư 210/2016/TT-BTC)</i>		0,117 %	949.912		950.000
4.4	<i>Phí bảo hiểm công trình (Phụ lục 7 - Thông tư 329/2016/TT-BTC)</i>		1,03 %	8.362.476	836.248	9.199.000
4.5	<i>Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 209/2016/TT-BTC)</i>		0,019 %	209.000		209.000
4.6	<i>Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>		0,95 %	5.225.000		5.225.000
5	Chi phí dự phòng	Gdp		0	0	3.537.000
5.1	<i>Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh</i>	<i>Gdp1</i>				3.537.000
	TỔNG CỘNG					1.100.000.000